

UBND XÃ THANH AN
TRƯỜNG MN SỐ 1 THANH AN

DANH MỤC ĐỒ CHƠI, HỌC LIỆU ĐƯỢC PHÊ DUYỆT SỬ DỤNG NĂM HỌC 2025-2026

I. KHỐI LỚP: NHÀ TRẺ 25-36 THÁNG TUỔI

Stt	Mã số	Tên đồ chơi	Đơn vị tính	Ghi chú
1. ĐỒ CHƠI				
1.1. Đồ chơi trong danh mục quy định				
1	MN232022	Bóng nhỏ	Quả	
2	MN232023	Bóng to	Quả	
3	MN232024	Gậy thể dục nhỏ	Cái	
4	MN232026	Vòng thể dục nhỏ	Cái	
5	MN232028	Bập bênh	Cái	
6	MN232029	Cổng chui	Cái	
7	MN232030	Cột ném bóng	Cái	
8	MN232031	Đồ chơi có bánh xe và dây kéo	Bộ	
9	MN232032	Hộp thả hình	Bộ	
10	MN232033	Lồng hộp vuông	Bộ	
11	MN232034	Lồng hộp tròn	Bộ	
12	MN232035	Bộ xâu hạt	Bộ	
13	MN232036	Bộ xâu dây	Bộ	
14	MN232037	Bộ búa cọc	Bộ	
15	MN232038	Búa 3 bi 2 tầng	Bộ	
16	MN232039	Các con kéo dây có khớp	Con	
17	MN232040	Bé tháo lắp vòng	Bộ	

Stt	Mã số	Tên đồ chơi	Đơn vị tính	Ghi chú
18	MN232041	Bộ xây dựng trên xe	Bộ	
19	MN232042	Hàng rào nhựa	Bộ	
20	MN232043	Bộ rau, củ, quả	Bộ	
21	MN232044	Đồ chơi các con vật nuôi trong gia đình	Bộ	
22	MN232045	Đồ chơi các con vật sống dưới nước	Bộ	
23	MN232046	Đồ chơi các con vật sống trong rừng	Bộ	
24	MN232047	Đồ chơi các loại rau, củ, quả	Bộ	
25	MN232050	Đồ chơi nhồi bông	Bộ	
26	MN232051	Đồ chơi với cát	Bộ	
27	MN232064	Khối hình to	Bộ	
28	MN232065	Khối hình nhỏ	Bộ	
29	MN232066	Búp bê bé trai (cao – thấp)	Con	
30	MN232067	Búp bê bé gái (cao- thấp)	Con	
31	MN232068	Bộ đồ chơi nấu ăn	Bộ	
32	MN232069	Bộ bàn ghế giường tủ	Bộ	
33	MN232070	Bộ dụng cụ bác sĩ	Bộ	
34	MN232071	Giường búp bê	Bộ	
35	MN232073	Xắc xô nhỏ	Cái	
36	MN232074	Phách gỗ	Cái	
37	MN232075	Trống cơm	Cái	
38	MN232076	Xúc xắc	Cái	
39	MN232077	Trống con	Cái	
1.2. Đồ chơi ngoài danh mục quy định (mua hoặc tự làm)				

Stt	Mã số	Tên đồ chơi	Đơn vị tính	Ghi chú
1		Tháo lắp vòng bằng tre	Bộ	
2		Ống thả hạt	Bộ	
3		Tháo lắp nút bằng cổ chai	Bộ	
4		Đan hình các con vật	Bộ	
5		Xe kéo đẩy	Bộ	
6		Khối hộp bằng bìa cattong	Bộ	
7		Bộ câu cá	Bộ	
2. HỌC LIỆU				
2.1. Học liệu trong danh mục quy định				
1	MN232059	Lô tô các loại quả	Bộ	
2	MN232060	Lô tô các con vật	Bộ	
3	MN232061	Lô tô các phương tiện giao thông	Bộ	
4	MN232062	Lô tô các hoa	Bộ	
5	MN232048	Tranh ghép các con vật	Bộ	
6	MN232049	Tranh ghép các loại quả	Bộ	
7	MN232053	Tranh động vật nuôi trong gia đình	Bộ	
8	MN232054	Tranh về các loại rau, củ, quả, hoa	Bộ	
9	MN232055	Tranh các phương tiện giao thông	Bộ	
10	MN232078	Đất nặn	Hộp	
11	MN232079	Bút sáp, phấn vẽ	Hộp	
12	MN232080	Bảng con	Cái	
2.2. Học liệu ngoài danh mục quy định (mua hoặc tự làm)				
1		Nan tre	Bó	

Stt	Mã số	Tên đồ chơi	Đơn vị tính	Ghi chú
2		Bìa cát tông	Tấm	
3		sỏi, đá, đất sét	Kg	
4		Hột, hạt	Kg	
5		Rơm	Bó	
6		Vỏ bánh kẹo	Hộp	
7		Dây rùng	Cái	
8		Gỗ	Miếng	
9		Lá cây	Kg	
10		Vỏ củ, quả các loại	Kg	
11		Vải vụn	Kg	
12		Chai, lọ	Cái	
13		Ống hút	Cái	

II. KHỐI MẪU GIÁO BÉ

Stt	Mã số	Tên đồ chơi	Đơn vị tính	Ghi chú
1. ĐỒ CHƠI				
1.1. Đồ chơi trong danh mục quy định				
1	MN342024	Gậy thể dục to	Cái	
2	MN342025	Cột ném bóng	Cái	
3	MN342026	Vòng thể dục nhỏ	Cái	
4	MN342027	Gậy thể dục nhỏ	Cái	
5	MN342030	Cổng chui	Cái	
6	MN342031	Bóng nhỏ	Quả	
7	MN342032	Bóng to	Quả	

Stt	Mã số	Tên đồ chơi	Đơn vị tính	Ghi chú
8	MN342040	Bộ dinh dưỡng 1	Bộ	
9	MN342041	Bộ dinh dưỡng 2	Bộ	
10	MN342042	Bộ dinh dưỡng 3	Bộ	
11	MN342043	Bộ dinh dưỡng 4	Bộ	
12	MN342044	Hàng rào lắp ghép lớn	Túi	
13	MN342045	Ghép nút lớn	Túi	
14	MN342047	Búp bê bé trai	Con	
15	MN342048	Búp bê bé gái	Con	
16	MN342049	Bộ đồ chơi nấu ăn	Bộ	
17	MN342050	Bộ dụng cụ bác sỹ	Bộ	
18	MN342051	Bộ xếp hình trên xe	Bộ	
19	MN342052	Bộ xếp hình các phương tiện GT	Bộ	
20	MN342053	Gạch xây dựng	Thùng	
21	MN342054	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ	
22	MN342055	Đồ chơi dụng cụ sửa chữa đồ dùng gia đình	Bộ	
23	MN342056	Đồ chơi các phương tiện giao thông	Bộ	
24	MN342057	Bộ động vật biển	Bộ	
25	MN342058	Bộ động vật sống trong rừng	Bộ	
26	MN342059	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Bộ	
27	MN342060	Bộ côn trùng	Bộ	
28	MN342063	Phễu nhựa	Cái	
29	MN342064	Bể chơi với cát và nước	Bộ	
30	MN342066	Con rối	Bộ	

Stt	Mã số	Tên đồ chơi	Đơn vị tính	Ghi chú
31	MN342067	Bộ hình học phẳng	Túi	
32	MN342073	Hộp thả hình	Cái	
33	MN342089	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp	Bộ	

1.2. Đồ chơi ngoài danh mục quy định (mua hoặc tự làm)

1		Rau, củ, quả	bộ	
2		Cây ăn quả	Cây	
3		Trang phục	bộ	
4		Bộ câu cá	bộ	
5		đồ chơi âm nhạc	Cái	
6		Cột đèn giao thông	bộ	
7		PTGT đường bộ	xe	
8		Xâu vòng hoa	bộ	
9		Thả hạt	bộ	
10		Bấm cúc hoa	bộ	
11		Bộ luồn dây hình học	bộ	
12		Bộ phân biệt màu sắc	bộ	

2. HỌC LIỆU

2.1. Học liệu trong danh mục quy định				
1	MN342033	Nguyên liệu để đan tết	Kg	
2	MN342034	Kéo thủ công	Cái	
3	MN342036	Bút chì đen	Cái	
4	MN342037	Bút sáp, phấn vẽ, bút chì màu	Hộp	
5	MN342038	Đất nặn	Hộp	

Stt	Mã số	Tên đồ chơi	Đơn vị tính	Ghi chú
6	MN342039	Giấy màu	Túi	
7	MN342046	Tháp dinh dưỡng	Tờ	
8	MN342061	Nam châm thẳng	Cái	
9	MN342062	Kính lúp	Cái	
10	MN342063	Phễu nhựa	Cái	
11	MN342064	Bể chơi với cát và nước	Bộ	
12	MN342066	Con rối	Bộ	
13	MN342067	Bộ hình học phẳng	Túi	
14	MN342069	Tranh các loại hoa, quả, củ	Bộ	
15	MN342070	Tranh các con vật	Bộ	
16	MN342071	Tranh ảnh một số nghề nghiệp	Bộ	
17	MN342072	Đồng hồ học đếm 2 mặt	Cái	
18	MN342074	Bàn tính học đếm	Cái	
19	MN342077	Bảng con	Cái	
20	MN342078	Tranh cảnh báo nguy hiểm	Bộ	
21	MN342079	Tranh, ảnh về Bác Hồ	Bộ	
22	MN342080	Màu nước	Hộp	
23	MN342081	Bút lông cỡ to	Cái	
24	MN342082	Bút lông cỡ nhỏ	Cái	
25	MN342085	Giấy trắng A0	Tờ	
26	MN342090	Lịch của trẻ	Bộ	
27	MN343100	Băng đĩa bài hát/nhạc không lời, dân ca, hát ru	Đĩa	
2.2. Học liệu ngoài danh mục quy định (mua hoặc tự làm)				

Stt	Mã số	Tên đồ chơi	Đơn vị tính	Ghi chú
1		Vở bé làm quen với toán	Quyển	
2		Vở tạo hình	Quyển	
3		Nan tre, tre	Bó	
4		Bìa cát tông	Tấm	
5		Sỏi	Kg	
6		Hột hạt	Kg	
7		Rơm	Bó	
8		Chai, lọ, hộp sữa	Cái	
9		Hộp bánh kẹo	Hộp	
10		Lá cây	Kg	
11		Dây rừng	Cái	
12		Vỏ củ, quả các loại	Kg	
13		Gỗ	Miếng	
14		Vải vụn	Kg	
15		Ống mút	Cái	

III. KHỐI MẪU GIÁO NHỎ

Stt	Mã số	Tên đồ chơi	Đơn vị tính	Ghi chú
1. ĐỒ CHƠI				
1.1. Đồ chơi trong danh mục quy định				
1	MN452023	Vòng Thẻ đục nhỏ	Cái	
2	MN452024	Gậy thẻ đục nhỏ	Cái	
3	MN452025	Cổng chui	Cái	
4	MN452026	Cột ném bóng	Cái	
5	MN452029	Bộ chun học toán	Bộ	

Stt	Mã số	Tên đồ chơi	Đơn vị tính	Ghi chú
6	MN452030	Ghế băng ghế dục	Cái	
7	MN452031	Bục bật sâu	Cái	
8	MN452033	Các khối hình học	Bộ	
9	MN452034	Bộ xâu dây tạo hình	Túi	
10	MN452040	Bộ dinh dưỡng 1	Túi	
11	MN452041	Bộ dinh dưỡng 2	Túi	
12	MN452042	Bộ dinh dưỡng 3	Túi	
13	MN452043	Bộ dinh dưỡng 4	Túi	
14	MN452046	Bộ luồn hạt	Bộ	
15	MN452047	Bộ lắp ghép	Bộ	
16	MN452048	Búp bê bé trai	Con	
17	MN452049	Búp bê bé gái	Con	
18	MN452050	Bộ đồ chơi gia đình	Bộ	
19	MN452051	Bộ dụng cụ bác sỹ	Bộ	
20	MN452053	Bộ ghép hình hoa	Bộ	
21	MN452054	Bộ lắp ráp nút tròn	Bộ	
22	MN452055	Hàng rào nhựa	Bộ	
23	MN452056	Bộ xây dựng	Bộ	
24	MN452057	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ	
25	MN452058	Đồ chơi dụng cụ sửa chữa đồ dùng gia đình	Bộ	
26	MN452059	Đồ chơi các phương tiện giao thông	Bộ	
27	MN452060	Bộ lắp ráp xe lửa	Bộ	
28	MN452061	Bộ động vật biển	Bộ	
29	MN452062	Bộ động vật sống trong rừng	Bộ	
30	MN452063	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Bộ	
31	MN452064	Bộ côn trùng	Bộ	
32	MN452065	Tranh vẽ các loài hoa, rau, quả, củ	Bộ	
33	MN452066	Nam châm thẳng	Cái	
34	MN452067	Kính lúp	Cái	

Stt	Mã số	Tên đồ chơi	Đơn vị tính	Ghi chú
35	MN452068	Phễu nhựa	Cái	
36	MN452069	Bể chơi với cát và nước	Cái	
37	MN452070	Cân thăng bằng	Cái	
38	MN452071	Bộ làm quen với toán	Bộ	
39	MN452072	Đồng hồ lắp ráp	Bộ	
40	MN452073	Bàn tính học đếm	Bộ	
41	MN452074	Bộ hình phẳng	Túi	
42	MN452075	Ghép nút lớn	Túi	
43	MN452076	Bộ đồ chơi nấu ăn gia đình	Bộ	
44	MN452096	Bộ trang phục Công an	Bộ	
45	MN452097	Bộ trang phục Bộ đội	Bộ	
46	MN452098	Bộ trang phục Bác sỹ	Bộ	
47	MN452099	Bộ trang phục nấu ăn	Bộ	
48	MN452100	Bộ xếp hình xây dựng Lăng Bác	Bộ	
49	MN452101	Gạch xây dựng	Bộ	
50	MN452103	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp	Bộ	
1.2. Đồ chơi ngoài danh mục quy định (mua hoặc tự làm)				
1		Bộ đồ chơi nông trại vui vẻ	Bộ	
2		Bộ đồ chơi rút thanh gỗ	Bộ	
3		Bộ xếp hình trí tuệ Tangram	Bộ	
4		Bộ đồ chơi cá ngựa	Bộ	
5		Đồ chơi bộ gõ trí tuệ	Bộ	
6		Bộ đồ chơi ô ăn quan	Bộ	
7		Bộ đồ chơi xếp hình nam châm	Bộ	
8		Đồ chơi vận động éch ăn bi	Bộ	
2. HỌC LIỆU				
2.1. Học liệu trong danh mục quy định				
1	MN452032	Nguyên liệu để đan tết	Kg	

Stt	Mã số	Tên đồ chơi	Đơn vị tính	Ghi chú
2	MN452035	Kéo thủ công	Cái	
3	MN452036	Kéo văn phòng	Cái	
4	MN452037	Bút chì đen	Cái	
5	MN452038	Bút sáp, phấn vẽ, bút chì màu	Hộp	
6	MN452039	Giấy màu	Túi	
7	MN452045	Lô tô dinh dưỡng	Bộ	
8	MN452082	Lô tô động vật	Bộ	
9	MN452083	Lô tô thực vật	Bộ	
10	MN452084	Lô tô phương tiện giao thông	Bộ	
11	MN452085	Lô tô đồ vật	Bộ	
12	MN452086	Tranh số lượng	Tờ	
13	MN452087	Đomino học toán	Bộ	
14	MN452088	Bộ chữ số và số lượng	Bộ	
15	MN452089	Lô tô hình và số lượng	Bộ	
16	MN452090	Bộ tranh truyện mẫu giáo 4 - 5 tuổi	Bộ	
17	MN452091	Bộ tranh minh họa thơ mẫu giáo 4- 5 tuổi	Bộ	
18	MN452092	Bộ tranh mẫu giáo 4-5 tuổi theo chủ đề	Bộ	
19	MN452093	Tranh, ảnh về Bác Hồ	Bộ	
20	MN452094	Lịch của bé	Bộ	
21	MN452104	Đất nặn	Hộp	
22	MN452105	Màu nước	Hộp	
23	MN452106	Bút lông cỡ to	Cái	
24	MN452107	Bút lông cỡ nhỏ	Cái	
25	MN452110	Giấy trắng A0	Tờ	

Stt	Mã số	Tên đồ chơi	Đơn vị tính	Ghi chú
2.2. Học liệu ngoài danh mục quy định (mua hoặc tự làm)				
1		Vở bé làm quen với toán	Quyển	
2		Vở tạo hình	Quyển	
3		Nan tre	Bó	
4		Bìa cát tông	Tấm	
5		Cát, sỏi, đá	Kg	
6		Hột hạt các loại	Kg	
7		Rơm, rạ	Bó	
8		Gỗ các loại	Tấm	
9		Chai lọ hộp sữa các loại	Cái	
10		Vỏ củ, quả các loại	Cái	
11		Các loại dây rừng	Cái	
12		Các loại lá cây	Cái	
13		Hộp bánh kẹo các loại	Hộp	

IV. KHỐI MẪU GIÁO LỚN

Stt	Mã số	Tên đồ chơi	Đơn vị tính	Ghi chú
1. ĐỒ CHƠI				
1.1. Đồ chơi trong danh mục quy định				
1	MN562024	Vòng thẻ đục nhỏ	Cái	
2	MN562025	Gậy thẻ đục nhỏ	Cái	
3	MN562027	Cổng chui	Cái	
4	MN562029	Cột ném bóng	Cái	
5	MN562030	Bóng các loại	Quả	
6	MN562031	Đồ chơi Bowling	Bộ	
7	MN562032	Dây thừng	Cái	

Stt	Mã số	Tên đồ chơi	Đơn vị tính	Ghi chú
8	MN562038	Bộ dinh dưỡng 1	Bộ	
9	MN562039	Bộ dinh dưỡng 2	Bộ	
10	MN562040	Bộ dinh dưỡng 3	Bộ	
11	MN562041	Bộ dinh dưỡng 4	Bộ	
12	MN562042	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ	
13	MN562043	Bộ lắp ráp kỹ thuật	Bộ	
14	MN562044	Bộ xếp hình xây dựng	Bộ	
15	MN562045	Bộ luân hạt	Bộ	
16	MN562046	Bộ lắp ghép	Bộ	
17	MN562047	Đồ chơi các phương tiện giao thông	Bộ	
18	MN562048	Bộ lắp ráp xe lửa	Bộ	
19	MN562049	Bộ sa bàn giao thông	Bộ	
20	MN562050	Bộ động vật sống dưới nước	Bộ	
21	MN562051	Bộ động vật sống trong rừng	Bộ	
22	MN562052	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Bộ	
23	MN562053	Bộ côn trùng	Bộ	
24	MN562054	Cân chia vạch	Cái	
25	MN562055	Nam châm thẳng	Cái	
26	MN562056	Kính lúp	Cái	
27	MN562057	Phễu nhựa	Cái	
28	MN562058	Bể chơi với cát nước	Bộ	
29	MN562059	Ghép nút lớn	Bộ	
30	MN562060	Bộ ghép hình hoa	Bộ	
31	MN562061	Bảng chun học toán	Bộ	
32	MN562062	Đồng hồ học số, học hình	Cái	
33	MN562063	Bàn tính học đếm	Cái	
34	MN562065	Bộ hình khối	Bộ	
35	MN562066	Bộ nhận biết hình phẳng	Túi	

Stt	Mã số	Tên đồ chơi	Đơn vị tính	Ghi chú
36	MN562083	Bộ dụng cụ lao động	Bộ	
37	MN562084	Bộ đồ chơi nhà bếp	Bộ	
38	MN562085	Bộ đồ chơi đồ dùng gia đình	Bộ	
39	MN562086	Bộ đồ chơi đồ dùng ăn uống	Bộ	
40	MN562087	Bộ trang phục nấu ăn	Bộ	
41	MN562088	Búp bê bé trai	Con	
42	MN562089	Búp bê bé gái	Con	
43	MN562090	Bộ trang phục công an	Bộ	
44	MN562091	Doanh trại bộ đội	Bộ	
45	MN562092	Bộ trang phục bộ đội	Bộ	
46	MN562093	Bộ trang phục công nhân	Bộ	
47	MN562094	Bộ dụng cụ bác sỹ	Bộ	
48	MN562095	Bộ trng phục bác sỹ	Bộ	
49	MN562096	Gạch xây dựng	Thùng	
50	MN562097	Bộ xếp hình xây dựng	Bộ	
51	MN562098	Hàng rào lắp ghép lớn	Túi	
52	MN562099	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp	Cái	

1.2. Đồ chơi ngoài danh mục quy định (mua hoặc tự làm)

1		Bộ đồ chơi đi cà kheo	Bộ	
2		Bộ đồ chơi chữ cái	Bộ	
3		Bộ đồ chơi âm nhạc (trống, đàn...)	Bộ	
4		Bộ đồ chơi giao thông	Bộ	
5		Bộ đồ chơi với cát sỏi (Xéng, xô...)	Bộ	
6		Bộ đồ chơi với nước	Bộ	
7		Bộ đồ chơi vận động (bóng rổ, ném vòng, nhảy theo hình)	Bộ	
8		Bộ đồ chơi Ô ăn quan	Bộ	
9		Bộ đồ chơi cấp cua bỏ giỏ	Bộ	
10		Bộ đồ chơi câu cá	Bộ	

Stt	Mã số	Tên đồ chơi	Đơn vị tính	Ghi chú
-----	-------	-------------	-------------	---------

2. HỌC LIỆU

2.1. Học liệu trong danh mục quy định				
1	MN562033	Nguyên liệu để đan tết	Kg	
2	MN562034	Kéo thủ công	Cái	
3	MN562036	Bút chì đen	Cái	
4	MN562037	Bút sáp, phấn vẽ, bút chì màu	Hộp	
5	MN562064	Bộ làm quen với toán	Bộ	
6	MN562067	Bộ que tính	Bộ	
7	MN562068	Lô tô động vật	Bộ	
8	MN562069	Lô tô thực vật	Bộ	
9	MN562070	Lô tô phương tiện giao thông	Bộ	
10	MN562071	Lô tô đồ vật	Bộ	
11	MN562072	Domino chữ cái và số	Hộp	
12	MN562074	Bộ chữ cái	Bộ	
13	MN562075	Lô tô lắp ghép các khái niệm tương phản	Bộ	
14	MN562076	Lịch của trẻ	Bộ	
15	MN562100	Đất nặn	Hộp	
16	MN562101	Màu nước	Hộp	
17	MN562102	Bút lông cỡ to	Cái	
18	MN562103	Bút lông cỡ nhỏ	Cái	
19	MN562106	Giấy trắng A0	Tờ	
20	MN562107	Kẹp sắt các cỡ	Cái	
2.2 Học liệu ngoài danh mục quy định (mua hoặc tự làm)				
1		Vở bé làm quen với toán	Quyển	
2		Vở tạo hình	Quyển	
3		Vở tập tô chữ cái	Quyển	
4		Bìa cát tông	Tấm	
5		Nan tre	Bó	

Stt	Mã số	Tên đồ chơi	Đơn vị tính	Ghi chú
6		Rom	Bó	
7		Cát, sỏi, đất sét	Kg	
8		Dây rùng	Bó	
9		Vải vụn	Túi	
10		Vỏ hộp Bánh kẹo	Hộp	
11		Tre, gỗ	Cây	